TRƯỜNG THCS PHAN ĐÌNH GIÓT

ĐỀ SỐ 1

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2021 – 2022
MÔN: TOÁN 6
Thời gian làm bài: 90 phút

A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm). Chọn câu trả lời đúng.

Câu 1. Số đối của phân số $\frac{3}{-4}$ là:

A. $\frac{-3}{4}$ B. $\frac{4}{3}$ C. $\frac{-4}{-3}$ D. $\frac{3}{4}$

Câu 2. $\frac{3}{-5}$ của x là -45 thì x là:

A. 27 B. -27 C. 75 D. -75

Câu 3. Có bao nhiêu đường thẳng cắt đường thẳng a trong hình vẽ bên

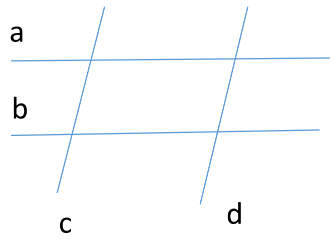

A. 1 B. 2
C.3 D. Không có đường thẳng nào

Câu 4. Nếu điểm I nằm giữa hai điểm A và B thì:

A. Tia AI và tia AB đối nhau
B. Tia IA và tia IB đối nhau
C. Tia BA và tia BI đối nhau
D. Tia AB và tia BA đối nhau

B. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{1}{3}+\frac{5}{4}-\frac{7}{12}$ b) $1,6.2\frac{1}{4}-1,6.3\frac{1}{2}$ c) $\frac{11}{4}.\left(-\frac{4}{11}\right)-\frac{5}{4}:\frac{11}{4}$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x biết:

a) $x-\frac{1}{4}=\frac{7}{2}.\frac{-3}{5}$ b) $\frac{x}{27}=\frac{2}{9}-\frac{1}{3}$ c) $3x-(0,8+\frac{2}{3}):3\frac{2}{3}=0,35$

Bài 3. (2 điểm) Kết quả sơ kết học kì I của một trường THCS có 360 học sinh xếp loại học lực khá. Số học sinh xếp loại học lực giỏi bằng $\frac{11}{20}$ số học sinh xếp loại học lực khá. Số học sinh xếp loại học lực yếu bằng 5% số học sinh xếp loại học lực khá.

a) Tính số học sinh xếp loại học lực giỏi và học lực yếu của trường.
b) Trường không có học sinh xếp loại học lực kém. Tính tổng số học sinh của trường, biết tổng số học sinh học lực giỏi, khá, yếu bằng $\frac{9}{2}$ số học sinh xếp loại học lực trung bình.

Bài 4. (2,5 điểm) Vẽ đoạn thẳng AB dài 3 cm.

a) Vẽđiểm I là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính độ dài đoạn thẳng AI
b) Vẽ điểm M là điểm sao cho B là trung điểm của đoạn thẳng AM. Tính độ dài đoạn thẳng AM.

Bài 4. (0,5 điểm) Vẽ hình minh họa cách trồng 10 cây thành 5 hàng, mỗi hàng có 4 cây.

-----Hết-----